

CHƯƠNG VII

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN LÀM VĂN

I. TÌNH HÌNH DẠY HỌC LÀM VĂN Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Trong phong trào cải tiến giảng dạy văn học ở nhà trường phổ thông nhiều thập kỷ qua, hầu như phân môn được quan tâm nhiều nhất là giảng văn. Và phân môn ít được chú ý nhất là môn làm văn. Về mặt nào đó, kể cũng có lí của nó. Tiếp cận và tiếp nhận tác phẩm văn chương là một vấn đề khoa học và nghệ thuật phức tạp và tinh tế. Tỷ lệ thời gian dành cho giảng văn trong chương trình lại lớn. Đây cũng là một mảnh đất có nhiều vấn đề, nhiều người có thể có ý kiến... Dù sao đó cũng chỉ là một cách nghĩ. Môn làm văn, bản thân nó cũng có đầy đủ lí do và dữ kiện để được nhìn nhận một cách thoả đáng hơn nếu không muốn nói là được quan tâm đặc biệt hơn, cả về phương diện lí thuyết lẫn thực tiễn, về phương diện dạy cũng như học, về yêu cầu cần đạt tới cũng như hiệu quả thực tế thu lượm được nhiều năm qua...

Phải thừa nhận rằng đây là một phân môn còn nhiều mắc mớ nhất. Nhiều năm nay, giáo viên lâu năm cũng như giáo viên mới vào nghề đã phản ánh, kiến nghị. Đồng chí Đỗ Kim Hồi, một giáo viên lâu năm vừa là một người làm công tác giảng dạy văn có nhiều kinh nghiệm ở thủ đô đã có một nhận xét xác đáng: Ai đã quan tâm đến tình hình học văn trong các trường trung học phổ thông đều không thừa nhận rằng tập làm văn đang là một trong những vấn đề nhức

nhất nhất. Rõ ràng là phân môn này đang đứng trước một loạt sự nghịch thường. Cái phân môn chắc phải coi là có lịch sử lâu đời trong các môn học, cái phân môn đáng lẽ phải tích lũy được nhiều kinh nghiệm nhất và thành quả vào lúc này hoá ra lại ít ỏi và mong manh cũng vào bậc nhất. Và trong bộ môn văn, những nguyên tắc dạy học văn đúng đắn như gắn với đời sống, phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh... tưởng đâu phải tìm mảnh đất gieo trồng thích hợp nhất nơi tập làm văn thì lại mới chỉ được bàn luận và thực hiện nhiều trong các khu vực giảng văn. Lại nữa, tập làm văn, các phân môn kết tinh đầy đủ hơn cả nguyên lí học đi đôi với hành và phân môn bộc lộ rõ nét hơn cả nhân cách học sinh thì cũng lại là phân môn đang chịu bạc bẽo...⁽¹⁾.

Mắc mớ về môn làm văn ở phổ thông chỉ không là vấn đề nhận thức về vai trò và vị trí của bộ môn mà còn có cả vấn đề nắm vững lí thuyết và phương pháp, ngoài ra cũng còn có cả tinh thần lao động của giáo viên. Một nhận định của Bộ Giáo dục cách đây hơn 10 năm đến nay hầu như vẫn còn có ý nghĩa. "Bên cạnh một giáo viên tận tụy, số đông đảo giáo viên chưa có đầy đủ tinh thần trách nhiệm trong việc chấm bài cho học sinh"⁽²⁾.

Trước hết phải nói đến tình trạng không chuẩn xác, thiếu sức thuyết phục của các sách dạy lí thuyết làm văn ở trường phổ thông. Sách và tư liệu viết về lí thuyết làm văn ở Trung ương và ở địa phương, từ những năm 60 đến nay không phải là ít những điều đáng tiếc là lí thuyết làm văn trong các tài liệu đã ấn hành thường thiên về miêu tả việc

-
1. Báo cáo tổng kết đề tài xác định một số quan niệm và biện pháp mới có khả năng nâng cao chất lượng dạy và học văn trong các trường phổ thông Hà Nội - Sở Giáo dục Hà Nội 1988.
 2. Báo cáo tình hình giảng dạy văn học trong nhà trường phổ thông cấp III ngày 6/3/1980 Bộ Giáo dục.

làm theo kinh nghiệm chứ chưa được xây dựng từ những cơ sở khoa học đáng tin cậy của lôgic, tâm lí tư duy, hoạt động ngôn ngữ, ngữ pháp văn bản và tâm lí học tiếp nhận văn học, v.v...

Phải thừa nhận rằng lí thuyết làm văn trong nhà trường của ta chưa có được những bước tiến lí luận đáng tin cậy so với công trình trước đây của một số nhà sư phạm như Nghiêm Toàn, Trần Trọng Kim, Dương Quảng Hàm... Hiện tượng thiếu chuẩn xác trong các định nghĩa về làm văn khá phổ biến nhất là những định nghĩa về giải thích, bình luận, bình chú, bình giảng... Những nhận định sai sót như sau thường gặp trong những tài liệu văn hướng dẫn giảng dạy cho đông đảo giáo viên: "Văn nghị luận là *thể loại văn học* (người trích nhấn mạnh) dùng lí luận (bao gồm lí lẽ và dẫn chứng) để làm sáng tỏ một vấn đề thuộc chân lí (?) nhằm làm cho người đọc nghe hiểu và tin vào vấn đề, có thái độ và hành động đúng trước vấn đề đó"⁽¹⁾. Hoặc "Kiểu bài chứng minh là kiểu bài có nội dung làm sáng tỏ một vấn đề đã được thừa nhận (?). Bài văn có mục đích làm cho người đọc xác nhận vấn đề (?) một cách chắc chắn"⁽²⁾. Đọc kĩ các tài liệu về lí thuyết làm văn, chúng ta dễ nhận thấy sự nhầm lẫn giữa các thao tác tư duy với các thao tác làm bài và các kiểu bài làm văn nghị luận.

Tính chuẩn xác khoa học của lí thuyết làm văn có nhiều hạn chế mà tính định hướng thiết thực của lí thuyết làm văn lại còn non yếu hơn. Giáo viên giảng dạy lí thuyết khi bản thân mình cũng chưa thông hiểu, còn học sinh thì không thu nhận được bao nhiêu điều thiết thực trong công việc làm một bài văn trong suốt thời gian học trên ghế nhà

1 . Xem tài liệu tham khảo hướng dẫn giảng dạy tập làm văn cấp III phổ thông, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 1980.

2 . (Như trên)

trường. Từ lí thuyết đến thực hành làm văn, còn có khoảng cách xa. Một vài tài liệu rắc rối hoá các khâu phân tích đề, đặt vấn đề, xây dựng ý... nên hiệu quả thực tế rất thấp. Học sinh chưa được chỉ dẫn cụ thể qua từng bước xây dựng văn bản, lời khuyên bảo nhiều hơn là lời chỉ dẫn thiết thực. Tính chất tự biện thuần lí của tài liệu giảng dạy làm văn lâu năm đã ảnh hưởng nặng nề về tâm lí dạy làm văn ở giáo viên và học làm văn ở học sinh.

Cho nên có thể nói rằng lí thuyết làm văn bề ngoài có vẻ bài bản công phu nhưng nội dung lại không chuẩn xác và thiết thực thì việc giảng dạy lí thuyết làm văn dễ trở thành phù phiếm vô bổ.

Tính chất sách vở phù phiếm trừu tượng của lí thuyết làm văn phản ánh một quan niệm chưa đúng đắn về việc giảng dạy làm văn ở nhà trường chúng ta nhiều năm nay. Từ những năm 1970, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nghiêm khắc phê phán tệ hại của lối học văn theo "điệu sáo", lối "múa chữ" trong làm văn. Lâu nay trong nhà trường chưa ra khỏi lối làm văn cử tử sao chép, mà mấy trăm năm trước đây, chính Lê Quý Đôn đã từng nhận xét: "Nếu lại thay thi đều bằng văn bát cổ để hạn chế bắt buộc sĩ tử thì còn được mấy người dự tuyển nữa, sách văn kinh nghiệm thật là vụng về quê kệch. Không có văn chương, cốt yếu đều theo ý nghĩa ông Trinh, ông Chu bắt người ta phải học thuộc lòng những bài truyện chú. Dư luận Trung Quốc bấy giờ cũng đã bất mãn về lối thơ văn bát cổ" (Kiểu văn Tiểu lục). Chắc hẳn việc giảng dạy làm văn trong nhà trường chúng ta ngày nay không thể giống như tình trạng lạc hậu của lối nho học thời phong kiến. Nhưng nhìn thẳng vào thực trạng nhà trường hiện nay vẫn dễ nhận thấy những biểu hiện của lối dạy văn phù phiếm sách vở, làm văn theo lối sao chép, làm văn vì điểm, làm văn để nộp bài cho thầy. Làm văn đúng ra là chuyện hứng thú sáng tạo cá nhân, là chuyện bày tỏ tình

cảm quan điểm của mình, thì thường thường trở thành công việc gò bó công thức. Nhiều học sinh đã chân thành nói rằng: "Một điều đáng sợ trong đời học sinh phổ thông là món nợ làm văn hàng tháng". Tình trạng làm văn khó nhọc, bắt buộc, gò bó không hứng thú là có thật trong đời sống học sinh của chúng ta. Hậu quả của lối dạy văn như trên không chỉ giới hạn trong chuyện làm văn mà sâu xa hơn, đáng lo hơn là nó tạo ra một thói quen tư duy lười biếng, sao chép, một thái độ lao động trí óc không sáng tạo, một quan điểm sống không có bản lĩnh, không dám tỏ bày ý riêng, nhất là những ý kiến khác nhau với người khác. Trong bản báo cáo tổng kết, việc khảo sát chất lượng ngữ văn 1981 - 1982 của Sở Giáo Dục Hà Nội, đồng chí Đào Đăng Tú đã nhận xét trong số 897 bài làm thì có đến 90,8% làm theo mẫu, trong số này có 38% chép bài mà không hiểu gì.

Trong cải cách giáo dục ở Liên Xô (cũ) trước đây, Viện sĩ Bêlenki đã phê phán về hiện tượng quay cóp và giả dối trong làm văn của học sinh. Viện sĩ cho rằng thói quen nói viết trong làm văn không như những gì mình nghĩ và viết, sẽ di hại đến phẩm chất công dân sau này. Đã có những học sinh làm văn rất hay nhưng lại là tội phạm hình sự.

Ở ta sự khập khiễng giữa nói và làm, giữa bài văn và cách nói ngoài đời của học sinh không phải là hiện tượng hiếm hoi. Lối dạy học văn múa chữ, theo điệu sáo, lối làm văn "khổ sai" vì điểm, vì thầy hơn là cho chính mình, bằng chính khối óc và trái tim của mình là một trong những nguyên nhân sâu xa và trực tiếp gây nên hậu quả giáo dục thấp kém cho học sinh ngày nay mà người giáo viên văn học chúng ta chắc hẳn phải gánh chịu một phần trách nhiệm.

Song có lẽ, điều nghiêm trọng nhất trong việc làm văn ở nhà trường phổ thông hiện nay là lối dạy văn chương xa lạ với đời sống của chính bản thân học sinh. Thủ thống kê hệ

thống các đề nghị luận văn chương và nghị luận xã hội đã dùng cho học sinh phổ thông trung học, chúng ta dễ nhận thấy tính chất công thức đơn điệu của các kiểu đề. Dĩ nhiên đề làm văn phải được xây dựng từ nội dung chương trình và phải phù hợp với một số yêu cầu có tính chất chuẩn về kiến thức nhà trường. Nhưng không phải vì thế mà cách ra đề, các kiểu bài văn cứ phải gò học sinh suy nghĩ theo những định đề có sẵn. Lâu nay chúng ta quen quan niệm làm văn nghị luận trong nhà trường chỉ là chấp nhận, là chứng minh những nhận định đã có sẵn. Đề văn nhất là đề nghị luận xã hội đều là những chân lí cao siêu xa vời, có khi là những luận đề chính luận, đạo đức, nhân sinh quá rộng lớn với trình độ học sinh. Đề văn chưa gắn gũi với trình độ nhận thức, nhu cầu bên trong của bản thân học sinh. Có lẽ đây là một nguyên nhân sâu xa làm cho học sinh ể oải không hứng thú khi làm văn.

Từ những thiếu sót về nội dung khoa học, về quan điểm dạy làm văn mang tính chất sách vở xa rời cuộc sống và đời sống bản thân học sinh, chúng ta đã có thể dễ dàng đoán được hậu quả tất nhiên của lối dạy văn trong nhà trường phổ thông của ta lâu nay. Tình trạng non kém về nhiều mặt của học sinh chúng ta không thể không nêu lên để tìm con đường khắc phục trong cuộc cải cách môn văn - tiếng Việt đang được bắt đầu thực hiện ở trung học phổ thông từ năm học 1990 - 1991.

Trong vốn liếng văn hoá của một học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông để đi vào đời sống, sản xuất, chiến đấu hay tiếp tục học tập trên Đại học, rõ ràng còn quá nhiều điều non kém. Chỉ cần khảo sát một tập bài làm văn của học sinh phổ thông ở lớp cuối cấp qua kì thi tốt nghiệp hay qua các kì thi tuyển sinh khối C, chúng ta dễ nhận thấy những gì cần phải rút kinh nghiệm cho bộ môn làm văn. Hiện tượng câu thả khá phổ biến ở tất cả các bài làm văn từ nét

chữ, thói viết tắt, đến cách trình bày. Đây không phải là chuyện hình thức vụn vặt mà thuộc vấn đề tâm lí nhân cách, phẩm chất của học sinh.

Chúng ta đều biết ở những nước công nghiệp hiện đại phương tiện in ấn, Computer đã đi vào đời sống người dân thường trong mọi sinh hoạt kinh tế - xã hội văn hoá và giao tiếp... Thế nhưng khi tuyển nhân viên làm việc ngoài những tiêu chuẩn về trình độ kiến thức chuyên ngành, khả năng ứng dụng kiến thức linh hoạt còn một điều kiện để xem xét nữa là lá đơn tự tay người xin việc phải viết lấy. Thế mới biết nét chữ phản ánh tâm lí nhân cách tính nết, phong cách của mỗi con người mà nhà trường không thể không rèn luyện từ tuổi thơ. Trải qua chiến tranh liên miên, điều kiện học hành thiếu thốn, học sinh của chúng ta qua nhiều thế hệ đã không được kèm cặp, luyện tập cẩn thận từ trên ghế nhà trường. Báo cáo tổng kết việc khảo sát chất lượng ngữ văn năm 1981 - 1982 của Sở Giáo dục Hà Nội đã cho thấy trong số 897 bài chỉ có 2% không có lỗi chính tả, 0,6% không lỗi câu và chỉ có 4,5% viết sạch sẽ.

Có thể nói vết tích của lối dạy và học làm văn chưa kĩ lưỡng như đã nói trên vẫn còn khá nặng nề trong đời sống của mỗi con người công dân từng chịu thiệt thòi do hoàn cảnh giáo dục trong chiến tranh. Đến nay điều kiện trường lớp có khá hơn nhưng thói quen luyện tập cho học sinh vẫn chưa được chú ý. Giáo viên chưa ý thức được đầy đủ yêu cầu rèn luyện kĩ năng cho học sinh qua môn làm văn gắn liền với việc hình thành những phẩm chất cần có của một người lao động như tác phong cẩn thận, đức tính cần cù, bền bỉ cũng như tinh thần trách nhiệm và tính mục thước trong công việc và trong đời sống.

Do lối dạy vẫn khuôn mẫu, xơ cứng, do quan niệm làm văn nặng về thi cử, do yêu cầu chủ yếu đối với học sinh ở

nhà trường phổ thông vẫn là sao chép kiến thức, giáo viên không ý thức được hết nguy hại lâu dài sâu xa của lối dạy làm văn lâu nay. Học sinh ít được tỏ bày ý kiến của mình. Hầu hết các đề tài văn nghị luận chỉ là làm sáng tỏ, là minh họa, là chấp nhận một danh ngôn hay một luận đề có sẵn. Đó là chưa kể tình trạng có nơi học sinh học thuộc những mẫu bài có sẵn để rồi khi đi thi gặp một đầu đề gần giống là các em cứ việc rập khuôn chép lại. Nguy hại không phải chỉ ở trong phạm vi học hành ở nhà trường; cũng không phải chỉ là chuyện trước mắt. Điều đáng lo ngại là trong cuộc sống cá nhân học sinh đã hình thành thói quen sao chép, nói theo. Tư duy sáng tạo, ý kiến cá nhân ít được đề cao và phát huy thì hậu quả về sau như thế nào chúng ta đều rõ. Một thời các nhà giáo chúng ta đã phàn nàn về những kiểu kết luận rất giống nhau của học sinh trong mọi bài văn. Kết thúc bao giờ cũng là một lời hứa hẹn "ba sẵn sàng". Sự liên hệ gò bó, máy móc, khuôn sáo không phải là dấu hiệu đẹp đẽ của quyết tâm Cách mạng, của ý chí chiến đấu nhưng học sinh nào cũng kết thúc bài làm theo một công thức có sẵn như một "bảo hiểm chính trị", như một biểu lộ giác ngộ lí tưởng của bản thân.

Hậu quả tai hại tất nhiên của lối học sao chép kiến thức là sự thấp kém và non yếu về tư duy sáng tạo. Một yêu cầu mà nhà trường hiện nay đặc biệt coi trọng là việc phát triển khả năng tư duy độc lập và tư duy sáng tạo cho học sinh. Nhưng tiếc thay đây lại là mặt yếu nhất trong chất lượng đào tạo của chúng ta. Sự non yếu ấy biểu hiện ở mấy mặt sau:

- Khả năng vận dụng kiến thức của học sinh qua bài tập làm văn. Trong quá trình học giảng văn, văn học sử, lí luận văn học, học sinh hầu như được giao nhiệm vụ chủ yếu là ghi nhớ kiến thức. Ghi nhớ để rồi tái hiện, sao chép,

khối lượng kiến thức trong các phân môn phải được kiểm tra.

Đó là cái lí lẽ thông thường của lối dạy học tái hiện. Dạy học tái hiện hay còn gọi là thông tin tiếp thụ, không chú trọng đến khâu vận dụng kiến thức cho nên khi bắt tay vào làm văn, học sinh chưa được rèn luyện, chưa được chuẩn bị từng bước về khả năng vận dụng kiến thức, kiến thức thu nhận được phần lớn chưa được tiêu hoá. Đọc những bài làm văn của số đông học sinh ta thấy kiến thức vận dụng một cách ngây ngô. Ngây ngô vì lạc lõng, thiếu định hướng, thiếu chọn lọc. Kiến thức định hướng và chọn lọc là kiến thức đã được trải qua tư duy phân tích so sánh, đã được chuyển hoá từ dạng thô sơ tư liệu thành dạng kiến thức định tính. Học sinh thông minh có thể chuyển hoá linh hoạt một vài dẫn chứng văn học thích hợp vào nhiều chủ đề, nhiều tình huống luận giải khác nhau. Còn học sinh non kém thường lúng túng, không biết xoay sở ra sao trước trăm ngàn câu thơ đã đọc thuộc lòng một cách máy móc. Trình độ thông minh được thể hiện qua năng lực vận dụng kiến thức vào bài làm của học sinh.

- Năm 1975 được tiếp xúc với nhà trường miền Nam dưới chế độ cũ, các nhà sư phạm có một cơ hội rất quý báu để đối chiếu và đánh giá kết quả giáo dục nói chung cũng như việc dạy văn nói riêng của nhà trường cách mạng miền Bắc sau 30 năm thực hiện nội dung giáo dục dân chủ và XHCN. Chúng ta đã nhìn rõ hơn chỗ mạnh và chỗ yếu của nhà trường chúng ta. Học sinh của hai chế độ giáo dục được hiện diện rất dễ dàng qua các bài làm văn. Học sinh miền Bắc có những điểm mạnh rất cơ bản đáng quý về chính trị, về lẽ sống, về phương pháp tư tưởng v.v... mà ở đây chúng ta không nhắc lại, song có một điều ai cũng nhận thấy là bài làm văn của học sinh miền Bắc nói chung đều có ít màu sắc cá nhân về văn phong cũng như về nội dung trình bày. Càng

ngày chúng ta càng thấm thía rằng sự đơn giản trong tư duy, sự nghèo nàn trong tình cảm và sự phiến diện trong nhân cách học sinh là điều không thể chấp nhận trong nền giáo dục XHCN của chúng ta. Làm văn mà chỉ biết sao chép kiến thức và phát ngôn theo những khuôn sáo có sẵn, chắc chắn đó là tình trạng không bình thường trong giáo dục và giảng dạy văn chương. Tiếc rằng đây là một thiếu sót phổ biến trong các bài làm văn của học sinh phổ thông chúng ta nhiều thập kỷ qua.

- Có một điều khá phổ biến ở học sinh trung học phổ thông là khi làm bài văn xong không thể tự mình rút kinh nghiệm, tự mình đánh giá xem bài làm có chỗ nào được, chỗ nào chưa được trong giờ trả bài. Hiện tượng học sinh bất ngờ về số điểm thường xảy ra luôn. Có học sinh làm bài xong, thấy lòng nhẹ nhõm cứ nghĩ mình viết trôi chảy, ý tứ không nghèo nàn thế mà số điểm lại thấp. Có học sinh thấy mình làm bài vất vả không thoải mái nhưng số điểm lại cao. Có nhiều cách lí giải hiện tượng này, nhưng có một nguyên nhân chính, đó là sự non kém về ý thức làm bài ở học sinh hay nói cho đúng hơn là sự non kém về văn hoá làm văn.

Học sinh học hết trung học phổ thông nhưng chưa nắm vững được thật chắc quy trình làm một bài văn, chưa làm chủ được các thao tác, các công việc cần thiết của tiến trình xây dựng một văn bản, học sinh thường chỉ lo các bước vào bài và cảm thấy bí ở bước nhập đề. Cứ nghĩ nhập đề xong thế là viết được. Ở đây không bàn đến cảm hứng sáng tạo mà chỉ nói đến ý thức trong đầu óc của người cầm bút về ý đồ thông báo, về nội dung thông báo, về phương thức thông báo, về kết cấu phát ngôn. Chỗ yếu cơ bản này của học sinh phản ánh tình trạng mù mờ về lí thuyết mà giáo viên trung học phổ thông chúng ta lâu nay thường mắc phải. Đa số học sinh trung học phổ thông làm văn theo cảm tính. Học sinh chưa có thói quen suy nghĩ kĩ về đề, về yêu cầu của đề, về

cách tập hợp ý, tập hợp tư liệu, về trình tự kết cấu văn bản sắp hình thành. Hiện tượng lạc đề, đi xa đề, đi lan man không định hướng, kết cấu lộn xộn trùng lặp, đứt mạch, mất cân đối, bài văn không có kết cấu, luận điểm không xác định tiêu mục, phần v.v... Đó là những thiếu sót phổ biến trong kĩ năng làm bài văn của học sinh.

Trên đây chúng ta nêu lên một số điểm trong việc dạy làm văn ở nhà trường phổ thông nhiều năm nay. Đành là với những giáo viên giỏi luôn tìm tòi sáng tạo với những địa phương và trường học đã bắt đầu cải tiến dạy học, làm văn nhiều năm nay, thì những non yếu nói trên đã được khắc phục khá nhiều. Nhưng dù sao trên đây cũng là một bức tranh chung của việc dạy học môn văn ở nhà trường trung học phổ thông những năm qua và nhiều năm qua.

II. MÔN LÀM VĂN VỚI VỊ TRÍ RIÊNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Một quan niệm thật sự nhất trí về vị trí môn văn ở nhà trường phổ thông đến nay vẫn chưa có được. Tình trạng ấy biểu hiện khá rõ trong cách xác định vị trí của môn làm văn trong chương trình phổ thông cũng như trong chương trình bộ môn phương pháp dạy văn và phương pháp dạy tiếng ở Đại học. Đặt môn làm văn vào phần chương trình tiếng Việt như Dự thảo chương trình trung học phổ thông đã làm, không được sự nhất trí của nhiều giáo viên cũng như các nhà phương pháp. Nhìn vào thực tế giảng dạy ở phổ thông càng thấy sự phân chia như vậy là không ổn: Ở phổ thông, không thể có hai giáo viên dạy tiếng Việt và Văn riêng biệt. Vả chăng làm văn chỉ đóng khung trong giới hạn những hiểu biết ngôn ngữ và tiếng Việt thì nhất định không thể làm văn được. Làm văn không phải là sự sắp xếp, lựa chọn,

liên kết từ ngữ. Tạo ra một văn bản dù là nghị luận xã hội chứ chưa nói là văn chương, hoàn toàn không phải chỉ có chuyện am hiểu ngôn ngữ và tiếng Việt. Nói làm văn là nói đến nhiều phương diện, nhiều phạm vi ngoài ngôn ngữ và tiếng Việt. Bài làm văn là một sản phẩm tổng hợp về vốn sống, về tâm lí, về tư duy, về tình cảm, về nhận thức, về cá tính... của mỗi con người học sinh. Cho nên trước khi bắt tay vào môn giảng dạy làm văn, người giáo viên phải có ý thức được thật rõ bản chất của bộ môn và vị trí đặc biệt của nó trong toàn bộ giáo trình môn văn trung học phổ thông. Hiểu bản chất môn làm văn để xác định rõ vị trí của nó trong quá trình nhưng quan trọng hơn là để hiểu rõ mục đích nội dung, nguyên tắc, phương hướng dạy phân môn này trong sự liên hệ và khu biệt với các phân môn giảng văn, văn học sử, lí luận văn học, tiếng Việt v. v... Nhà sử học Phuốcniê kể lại câu chuyện Bác Hồ chữa câu văn của ông "Không có CNXH thì các dân tộc không thể đi đến giải phóng hoàn toàn "thành câu" Chỉ có CNXH mới có thể đảm bảo cho các dân tộc giải phóng hoàn toàn"⁽¹⁾. Rõ ràng một câu văn, một ý tứ trong bài văn, một phát ngôn nào đó hoàn toàn không phải là chuyện chữ nghĩa. Qua ví dụ trên ta càng hiểu rằng sau mỗi câu chữ là hình bóng một con người, một nhân cách, một quan niệm sống, một thái độ và còn nhiều chuyện khác nữa. Ai cũng nhớ câu nói bất hủ "*văn là người*" của nhà văn Buphông. Nhà văn Nguyễn Khải còn kể lại cái non dại của mình những ngày đầu mới cầm bút. Hồi năm 1953, anh có viết một bài thông báo tình hình quân sự liên khu. Bản thông báo in ra không ngờ đã được Bác đọc và đã cho nhận xét cặn kẽ từng chữ, từng câu. Nguyễn Khải kể "*Trời ơi*" bản thông báo chỉ có hai trang đánh máy mà từ dòng đầu đến

1. Báo Nhân dân, số 18/6/1990.

dòng cuối không dòng nào không có nét chữ đỏ của Bác gạch dưới hoặc chữ này, hoặc chữ kia, có đoạn gạch cả mấy dòng liền. Rồi các vòng khuyên, rồi các dấu hỏi. Bác không ghi bên lề một chữ nào, chỉ có gạch, và khuyên, và hỏi, mà thắm thía quá, mà xấu hổ quá, càng đọc càng xấu hổ, càng nghĩ càng xấu hổ. Thông báo quân sự cần nhất cái gọn gàng, cái sáng sủa, cái chính xác mà lại viết bằng một giọng văn tuyên truyền, chữ dùng thì huyên hoang, nghĩa thì hàm hồ, số liệu đưa vào chưa được kiểm tra kỹ lưỡng, các kết luận, các phán đoán chưa phải đã được thảo luận, được tính toán, được đánh giá một cách nghiêm túc và khách quan⁽¹⁾. Cho hay làm văn không phải là chuyện chữ nghĩa. Nó gắn liền với bao nhiêu yếu tố xa gần, trực tiếp, gián tiếp về chính trị về văn hoá, về tính cách, về cá tính của mỗi con người... Thế nhưng đáng tiếc là cho đến nay, nhiều nhà sư phạm cũng như nhiều giáo viên phổ thông chưa thấu hiểu sâu sắc tầm quan trọng của môn làm văn trong nhà trường. Làm văn hoàn toàn không phải là công việc chỉ đòi hỏi am hiểu ngôn ngữ và tiếng Việt. Làm văn thử thách một cách tổng hợp toàn diện con người học sinh về nhiều phương diện, vốn sống, vốn văn hoá, trình độ chính trị, năng lực tư duy v.v... và cả về phương diện nhân cách cá tính người cầm bút. Mỗi bài văn được nhìn nhận một cách đúng như là tiếng nói, như là một sản phẩm của học sinh thì hiệu quả giáo dục môn văn sẽ to lớn vô cùng. Trong giờ làm văn, trước mỗi bài văn, trong từng ý văn, câu văn, học sinh đối diện với chính mình, bộc lộ suy nghĩ của mình trước một vấn đề xã hội, văn học và sẽ cảm nhận được những gì mình còn yếu kém khi thể hiện con người mình trên một bài văn, trước một vấn đề văn.

1. *Hồi nhỏ, các nhà văn học văn*, NXB. Nghĩa Bình, 1986.

Tóm lại, có thể nói rằng nhìn nhận môn làm văn không những chỉ trong mối liên hệ giữa Văn và Tiếng mà còn trong mối liên hệ hữu cơ máu thịt với nhiều nhân tố khác nữa như đã nói trên. Chúng ta sẽ nhất trí về vị trí, về vai trò quan trọng của phân môn làm văn trong việc giáo dục, trong việc bồi dưỡng, phát triển năng lực văn cũng như nhân cách con người học sinh trong nhà trường.

Xét trên quan điểm liên ngành thì làm văn gắn bó hữu cơ với tiếng Việt và ngôn ngữ. Cũng chính vì thế mà lâu nay trong việc xác định vị trí của môn làm văn ở nhà trường phổ thông, chúng ta đã gặp một số lúng túng. Có khi chúng ta coi làm văn chỉ là công việc thực hành tiếng Việt hoặc có khi chỉ thấy làm văn không thấy tiếng Việt. Theo Dự thảo chương trình phổ thông trung học hiện nay, hầu như môn làm văn lại nhập vào môn tiếng Việt. Cách sắp xếp như vậy không phản ánh vị trí vốn có và nội dung khoa học riêng của môn làm văn. Môn làm văn là môn giáp ranh giữa tiếng Việt và văn học chứ không thể hoà nhập vào bên nào. Chắc hẳn giờ đây chúng ta phải trả lại vị trí vốn có của nó trong bản đồ khoa học các bộ môn trong nhà trường phổ thông. Một sự định vị đúng đắn có căn cứ khoa học sẽ làm cho bộ môn làm văn đáp ứng được chức năng riêng của nó và chỉ nó mới có được. Ngoài ra một sự định vị đúng đắn môn làm văn trong chương trình sẽ xác định minh bạch nội dung lao động, công việc cụ thể của người giáo viên trong nhiệm vụ giáo dục tiếng Việt và văn học cho học sinh.

Cách mấy chục năm nay, ngay từ cuốn giáo trình phương pháp giảng dạy của trường ĐHSP Hà Nội viết năm 1963, các tác giả đã nhấn mạnh tính chất thực hành của môn làm văn. Trên phương diện lí thuyết, thì hầu như không ai không tán thành. Nhưng nói như cố giáo sư Tôn Thất Tùng: Lời tuyên bố về lí thuyết thì dễ nhưng thực thi

nó thì khác đi. Một phần do chưa tinh thông lí thuyết trên cơ sở những hiểu biết khoa học xác đáng, một phần là do tính chất phức tạp và mới mẻ của công việc thực hành. Dạy lí thuyết, nói lí thuyết thì hầu như không khó khăn, nhưng vận dụng lí thuyết vào thực tiễn bao giờ cũng là một quá trình thử thách nỗ lực và trình độ ứng dụng của người thực hành. Công việc thực hành môn làm văn ở nhà trường phổ thông là một vấn đề khoa học sự phạm quá mới mẻ ở nước ta và cả một số nước phát triển. Vì thói quen tư duy tự biện thuần lí của những thời đại khoa học kĩ thuật chưa phát triển cho đến ngày nay vẫn còn để lại dấu tích khá nặng nề.

Xét cả quá trình dạy môn văn trong nhà trường, từ phân môn văn học sử, giảng văn cho đến lí luận văn học thì môn văn học sử, giảng văn, lí luận văn học nói chung có nhiệm vụ cung cấp kiến thức văn học, đặc biệt là hình thành những kiến thức khái quát về văn học. Việc rèn luyện kĩ năng thông qua các phân môn trên dù sao vẫn mang tính chất bộ phận. Chỉ đến công đoạn làm văn, học sinh mới được thực hành tổng hợp, tổng hợp về kiến thức và tổng hợp về kĩ năng. Với làm văn, kiến thức chung và kiến thức văn học của học sinh mới thực sự được củng cố và phát triển lên một bước cơ bản về chất, kiến thức lẻ tẻ được hệ thống hoá, phạm trù hoá, kiến thức chết trở thành kiến thức sống, kiến thức tản mạn trở thành kiến thức định hướng: thao tác và kĩ năng văn học lẻ tẻ bộ phận được huy động tổng lực qua quá trình làm văn.

Cần nhìn nhận môn làm văn trong những mối liên hệ vốn có của nó với khoa học kế cận, trong mối liên hệ với các phân môn văn học sử, giảng văn, lí luận văn học, cũng như trong mối liên hệ chức năng của nó với điều kiện đào tạo phát triển con người học sinh phổ thông. Từ một định vị đúng đắn môn làm văn trong nhà trường, chúng ta sẽ xác

định được một cách sáng tỏ nhiệm vụ giáo dục giáo dưỡng của bộ môn này trong việc thực hành nhân cách cũng như năng lực và kĩ năng văn học cần có cho học sinh ở nhà trường phổ thông và khi vào đời.

III. MẤY VẤN ĐỀ CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC DẠY HỌC MÔN LÀM VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.

- Gần đây có người phản bác nguyên tắc dạy văn là dạy người vì họ đã quá nhấn mạnh đặc trưng của văn, muốn đưa lại cho văn một vị trí độc tôn. Đành rằng môn học nào cũng dạy người, nhưng môn văn có một sức mạnh riêng mà không một môn học nào có được. Không thể quan niệm chuyện làm văn chỉ là chuyện câu chữ, chuyện kĩ thuật sản sinh ra một văn bản nói hay viết. Một kĩ thuật sản sinh văn bản chỉ sản sinh ra được những văn bản chết, những kí hiệu máy móc mà bất cứ một rôbot hiện đại nào cũng có thể tạo ra. Trong lĩnh vực sáng tạo văn chương, vai trò chủ thể sáng tạo lại càng cực kì quan trọng, có ý nghĩa quyết định hàng đầu. Văn là người. Câu châm ngôn cũ đã trở thành chân lí cho mọi thời. Đặt vấn đề dạy làm văn hay tập viết một văn bản cho học sinh, giáo viên không bao giờ có thể coi nhẹ nhân tố chủ thể học sinh như đã nói trên. Mỗi chữ, mỗi lời, mỗi câu văn, mỗi ngôn bản đều là tín hiệu về năng lực và nhân phẩm của người viết văn. Đọc các văn bản của Bác Hồ và bản Di chúc của Người, chúng ta càng hiểu thế nào là ý nghĩa của từng chữ, từng câu, từng lời mỗi khi Người hạ bút. Một ý thức thật sáng tỏ về mối quan hệ giữa văn với người, giữa văn bản và người làm ra văn bản, sẽ định hướng cho chúng ta một nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ, về nội dung cũng như phương thức giảng dạy môn làm văn trong nhà trường bao gồm tất cả các công đoạn từ ra đề, hướng

dẫn làm bài, chấm bài, trả bài; từ nội dung giảng dạy cho đến cách đánh giá một bài văn của học sinh.

- Từ cách nhận thức đúng về mối quan hệ máu thịt giữa văn và người, việc dạy văn trong nhà trường phải nhằm làm sao tạo được một tiền đề, một dữ kiện cho sự tự phát triển nhân cách, trí tuệ, năng lực và tính cách của người học sinh. Chúng ta phân nản học sinh làm văn giả dối, làm văn theo điệu sáo, theo kiểu mẫu. Chúng ta chê học sinh ít sáng tạo trong mỗi bài văn, bài làm văn chỉ là sự sao chép lặp lại một cách vụng về lời giảng của giáo viên, hay nội dung kiến thức trong sách. Mẫu hồi kí của nhà văn Nguyễn Quang Sáng sau đây sẽ giúp cho chúng ta hiểu được những gì chúng ta cần yêu cầu học sinh và bản thân giáo viên để giờ làm văn, việc dạy làm văn thực sự có tác động đến cá tính sáng tạo và nhân cách từng học sinh. Nguyễn Quang Sáng kể: "Môn văn của nhà trường dù thích tôi vẫn học kém. Bài luận văn năm thứ nhất của tôi, thầy Hà Mậu Nhai cho tôi có nửa điểm, nửa điểm tên 20 mới chết chứ; dù được một điểm kém đến vậy, tôi vẫn thích môn Văn hơn môn Toán. Tôi có hai quyển sổ, một quyển để chép thơ và một quyển để chép nhạc; tôi viết gò từng nét chữ, từng nét nhạc, tôi chép một cách say mê thích thú. Văn không có chỗ để cho tôi thi thố, bài luận nào cũng bị điểm dưới trung bình... Nên ở nhà trường, tôi không có gì đáng nói nhưng lại được thầy chú ý ở phần phụ ngoài chương trình. Ngoài những bài luận văn của nhà trường thầy Nguyễn Văn Chi khuyến khích chúng tôi viết nhật kí. Thầy không bắt buộc, nhưng trò nào thích cứ viết và nộp cho thầy, thầy đọc và cũng chấm điểm như luận văn của lớp. Bài viết đầu của tôi (tôi còn nhớ là tôi viết trong quyển sổ tự đóng lấy), tôi được thầy cho tôi một cái điểm không ngờ được: 18/20 điểm). Đó là bài viết về một trận đánh mà trận đánh ấy tôi là chú bé giao liên. Cái điểm 18/20 ấy không được ghi vào sổ điểm của

nhà trường, không giúp cho tôi nhích lên một hạng nào, nhưng nhớ suốt đời. Tôi lại tiếp tục viết, lại trao đổi cho thầy và luôn luôn được điểm cao. Đó là những bài viết về cuộc đời bộ đội của tôi... Từ đó tôi hiểu: văn học bắt nguồn từ cuộc sống"⁽¹⁾.

Mẫu chuyện nhỏ trên có ý nghĩa sâu sắc về nhiều mặt đối với việc dạy văn, học văn trong và ngoài nhà trường mà ở đây chúng ta chưa bàn đến. Riêng trong phạm vi dạy học làm văn, ít nhất chúng ta cũng thấm thía một điều: Công việc làm văn trong nhà trường gắn bó mật thiết đến bao nhiêu với cuộc sống, với khuynh hướng, với tài năng, với ước vọng của mỗi học sinh chúng ta đến nhường nào. Rèn văn là rèn người được hiểu trên tinh thần như thế. Mà mục tiêu cốt lõi nhất của việc rèn người là làm sao phát huy được tiềm năng sáng tạo của mỗi học sinh qua bộ môn này. Trong học sinh thường có sự thăm dò "gu" của thầy giáo để làm bài văn cho hợp. Có học sinh phân nàn rằng ở các lớp trước, điểm văn của mình vào loại khá nhưng đối với thầy giáo mới thì điểm lại thấp. Dĩ nhiên có nhiều nguyên nhân không bàn đến ở đây, nhưng có một thực tế là học sinh làm văn trong nhà trường thường là làm văn cho thầy, làm văn theo thầy. Có thể nói đây là một cực hình. Không phải là cực hình sáng tạo mà là một cực hình của lối dạy văn áp đặt công thức, áp đặt đề tài, áp đặt công việc, áp đặt giọng văn... Đành là trong nhà trường có những yêu cầu, những đòi hỏi có tính chất qui phạm, có khi không hứng thú nhưng vẫn buộc học sinh phải làm. Song không vì thế mà chúng ta cứ duy trì mãi lối dạy làm văn mẫu chữ, điệu sáo, áp đặt, gò bó, hạn chế sự sáng tạo của cá nhân học sinh. Nhà tâm lí học nổi tiếng Vugôtski khi bàn về làm văn trong nhà trường

1. Tlđđ, tr. 107 - 108.

đã đưa ra những ý kiến xác đáng không riêng cho lứa tuổi thiếu nhi mà cả học sinh trung học phổ thông: "Đứa bé thường không hiểu nó phải viết để làm gì. Đứa bé không có nhu cầu bên trong đòi phải viết...". Điều đó đặc biệt thể hiện trong những trường hợp mà đứa bé viết về những đề bài ra trong nhà trường. Trong trường học cũ việc phát triển sáng tạo văn học của học sinh được tiến hành chủ yếu theo phương hướng thầy giáo ra đề tập làm văn và các em có nhiệm vụ phải viết bài tập làm văn đó sao cho ngôn ngữ của mình thật gần với ngôn ngữ văn học của người lớn hoặc với phong cách những cuốn sách các em đã đọc... Những nhà sư phạm như thế đã hướng dẫn sai lệch, khiến sáng tác văn học của các em giết chết vẻ đẹp hồn nhiên, tính độc đáo và màu sắc rực rỡ của ngôn ngữ trẻ em, làm trở ngại cho việc nắm vững ngôn ngữ và phương tiện đặc biệt để thể hiện tư tưởng và tình cảm của mình và rèn luyện cho các em ngôn ngữ học sinh. Theo cách nói của Blônxki— tức là sự áp đặt hoàn toàn máy móc ngôn ngữ sách vở gượng gạo của người lớn vào cho các em⁽¹⁾. Tình trạng trên kéo dài khá lâu ở nhà trường chúng ta. Các giờ làm văn đã tạo ra một kiểu học như Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói là lối múa chữ, là điệu sáo. Lối học, lối viết này phản ánh một nếp suy nghĩ sách vở, công thức trong học sinh. Còn nhớ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, giáo sư Đặng Thai Mai đã có lần phàn nàn là con cái viết thư cho bố mẹ bây giờ sao lại có cái giọng giáo huấn. Trong đào tạo, đây là triệu chứng không hay. Bác Hồ đọc thư các cháu gửi cho Người, đã từng lưu ý

1 . L.X Vugôttxki, *Trí tưởng tượng và sáng tạo ở lứa tuổi thiếu nhi*, NXB. Phụ nữ, Hà Nội, 1985.

đến triệu chứng "già sớm nên tránh", "không được làm cho các cháu thành ông già bé"⁽¹⁾.

- Cho nên một trong những nguyên tắc hàng đầu cần được chú ý trong giảng dạy tập làm văn là làm sao tạo điều kiện cho học sinh được thực sự sáng tạo, được thực sự bộc lộ con người mình, hiểu biết mình, làm sao cho việc làm văn không phải là chuyện xa lạ mà là chuyện gắn bó với đời sống tinh thần của bản thân học sinh. Một quan niệm như vậy sẽ quy định cách ra đề, cách đánh giá học sinh, đồng thời sẽ kích thích sự sáng tạo cho học sinh. Ở Liên Xô (cũ) gần đây, viện sĩ Bêlenki đã từng phàn nàn về hiện tượng học sinh nghĩ một cách, nói một cách và viết một cách. Sự không ăn khớp giữa điều học sinh nói trong bài làm văn với điều các em nghĩ và làm trong cuộc sống là dấu hiệu đáng lo ngại về sự sa sút đạo đức trong học sinh. Ông cho rằng thói quen suy nghĩ theo người khác, lối nói giả dối sẽ gây hậu họa lâu dài trong đời sống công dân của mỗi con người về sau này.

- Trên đây bàn đến mối quan hệ giữa việc làm văn với việc rèn luyện con người học sinh, quan hệ giữa việc làm văn với yêu cầu phát triển khả năng sáng tạo của học sinh. Lại còn một thực tế này nữa, ta không thể không suy nghĩ. Có hiện tượng giáo viên dạy làm văn và nhất là học sinh làm văn nhưng không cảm nhận được một cách có ý thức rằng công việc trong nhà trường sẽ có bổ ích gì trong cuộc sống của bản thân của học sinh. Nó sẽ giúp ích gì cho cuộc sống trước mắt và sau này của bản thân các em. Những giáo viên có kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm thường băn khoăn về cách dạy làm văn của nhà trường chúng ta lâu

1. Hồ Chí Minh, Tuyển tập.